

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo

DỰ THẢO

Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 142/2025/NĐ-CP NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Điều 1. Bổ sung khoản 4 Điều 7 như sau:

“4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non như sau:

1. Cơ sở giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp: là cơ sở giáo dục mầm non thuộc địa bàn ***cấp xã***, nơi có khu công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, có chăm sóc, giáo dục trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 36 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Trình tự, thủ tục ***phê duyệt danh sách*** trẻ em nhà trẻ bán trú và trình tự, thủ tục cấp kinh phí thực hiện đối với các cơ sở giáo dục mầm non quy định tại Điều 8 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Trình tự, thủ tục ***phê duyệt danh sách*** học sinh bán trú, học viên bán trú và trình tự, thủ tục cấp kinh phí, hỗ trợ gạo đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại Điều 9 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện”.

3. Bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Thay thế cụm từ: “quận, huyện, cấp huyện, thị xã” bằng cụm từ “cấp xã”; cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ: “Phòng Văn hóa - Xã hội” tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 37 như sau:

“1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại Nghị định số 35/2024/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú” như sau:

a) Thay thế cụm từ “Hội đồng huyện” bằng cụm từ “Hội đồng cấp xã” tại điểm a khoản 2 Điều 9.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Hội đồng cấp xã

a) Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Chủ tịch, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội làm Phó Chủ tịch; 01 Phó Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, công chức phụ trách về giáo dục; đại diện công an xã; đại diện lãnh đạo một số cơ sở giáo dục thuộc cấp học do cấp xã quản lý; đại diện “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú” hoặc giáo viên dạy giỏi cấp xã trở lên làm ủy viên;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Hội đồng theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội;

c) Đối tượng xét là các cá nhân đạt số phiếu tín nhiệm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định này được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các đơn vị, cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý cấp xã đề nghị”.

Điều 4. Bổ sung Điều 37a như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người như sau:

“1. Trình tự, thời gian xét duyệt

b) Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập

Đầu năm học, các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có trẻ mẫu giáo, học sinh dân tộc thiểu số rất ít người theo học tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi, hướng dẫn cho cha mẹ (hoặc người chăm sóc) trẻ mẫu giáo; cho học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách làm đơn đề nghị hỗ trợ học tập gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nhận đơn đề nghị hỗ trợ, **Ủy ban nhân dân cấp xã** có trách nhiệm tổ chức xem xét đơn, lập và phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng, niêm yết công khai danh sách đối tượng được hưởng chính sách và thực hiện chi trả.

2. Phương thức chi hỗ trợ học tập

b) Sở Giáo dục và Đào tạo, **Ủy ban nhân dân cấp xã** chi trả tiền hỗ trợ học tập trực tiếp cho cha mẹ (hoặc người chăm sóc) trẻ mẫu giáo; học sinh, sinh viên hoặc thông qua cha mẹ học sinh, sinh viên thuộc các cơ sở giáo dục ngoài công lập. Tùy thuộc vào điều kiện thực tế của đối tượng được hưởng, việc chi trả có thể thực hiện theo tháng hoặc theo quý”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 5 Điều 6 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người như sau:

“1. Việc lập và phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách chi hỗ trợ học tập cho trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Dự toán phải ghi rõ kinh phí thực hiện chính sách cấp hỗ trợ học tập cho trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người và số lượng đối tượng được hưởng.

Kinh phí hỗ trợ học tập cho trẻ mẫu giáo và học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục công lập cân đối trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm phân bổ cho các cơ sở giáo dục công lập.

Kinh phí hỗ trợ học tập cho trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập cân đối trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm phân bổ qua **Ủy ban nhân dân cấp xã** (đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học; học sinh trung học cơ sở; học sinh, sinh viên học tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp), Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với học sinh trung học phổ thông) nơi trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú.

5. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào hướng dẫn về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, số lượng đối tượng được hưởng xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ học tập, tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách nhà nước của địa phương gửi Bộ Tài chính cùng thời gian báo cáo dự toán ngân sách nhà nước năm kế hoạch; đồng thời, gửi báo cáo về **Bộ Giáo dục và Đào tạo** để phối hợp quản lý”.

3. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại một số mẫu của 4 Phụ lục như sau:

“a) Thay thế cụm từ: “Phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã...” tại Mẫu số 3; Thay thế cụm từ: “Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với học sinh tiểu học và trung học cơ sở)” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã...(đối với học sinh tiểu học; học sinh trung học cơ sở; học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp)” tại Mẫu số 4;

b) Bãi bỏ cụm từ: “Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp)” tại Mẫu số 4”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 38 như sau:

“3. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 39 như sau:

“3. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng, trường bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục tỉnh, trường đại học công lập trực thuộc tỉnh theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 40 như sau

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức và người lao động

a) **Chủ trì** tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh **trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh** quyết định tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật; **trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt vị trí việc làm, giao số lượng** hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định; Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đề án, kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục **trên địa bàn tỉnh**; chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh các chính sách đặc thù đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập **trên địa bàn tỉnh**;

b) Thực hiện tuyển dụng, tiếp nhận đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt và trường trung học nghề công lập trên địa bàn tỉnh;

c) Thực hiện thẩm quyền điều động, chuyển chuyển, biệt phái, bố trí, phân công, thay đổi vị trí việc làm đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và nhân viên trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý và đối với cơ sở giáo dục công lập liên quan đến phạm vi quản lý từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên;

d) Bảo đảm đủ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, số lượng hợp đồng lao động theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý đội ngũ viên chức, người lao động và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

đ) Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng, trường cán bộ quản lý giáo dục trực thuộc tỉnh theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, biệt phái, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ sở giáo dục công lập **thuộc thẩm quyền quản lý**; công nhận, không công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường, phó chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các cơ sở giáo dục tư thục và các cơ sở giáo dục công lập thành lập hội đồng trường theo thỏa thuận quốc tế thuộc thẩm quyền quản lý theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định;

g) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch hằng năm về số lượng người làm việc các cơ sở giáo dục trực thuộc, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phân bổ số lượng người làm việc theo vị trí việc làm cho các cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định; hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách đối với viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý theo quy định”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 như sau:

“d) Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục thường xuyên (trừ trung tâm học tập cộng đồng); cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông; cơ sở giáo dục chuyên biệt (*trừ trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông dân tộc nội trú cấp trung học cơ sở*)”.

Điều 8. Bổ sung khoản 5 Điều 41 như sau:

“5. Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có cấp học cao nhất là cấp trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là cấp trung học cơ sở”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 42 như sau:

“3. Về tổ chức hoạt động và quản lý cơ sở giáo dục

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyền tự chủ, chịu trách nhiệm giải trình về thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm chất lượng giáo dục, hoạt động giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) *Thực hiện thẩm quyền điều động, chuyển chuyển, biệt phái, bố trí, phân công, thay đổi vị trí việc làm đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và nhân viên trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý;*

d) *Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý; công nhận, bổ sung, kiện toàn hội đồng trường, công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch hội đồng trường, phó chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các cơ sở giáo dục tư thục, dân lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;*

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh đầu cấp thuộc thẩm quyền quản lý; thực hiện công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát các trường trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý triển khai công tác đánh giá chất lượng

giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng để không ngừng duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục theo quy định; tiếp nhận hồ sơ đánh giá chất lượng giáo dục của các trường trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý để thẩm định trước khi gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo; tham mưu cấp có thẩm quyền về chính sách hỗ trợ cho các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương;

e) Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục tiểu học, cơ sở giáo dục trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở; trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn quản lý;

g) Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo và toàn xã hội;

h) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan quản lý việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn;

i) Thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn”.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 143/2025/NĐ-CP NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Điều 10. Sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 5 Phụ lục 1 như sau:

“d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến của các cơ quan, đơn vị theo quy định tại điểm c khoản này, Sở Giáo dục và Đào tạo lập báo cáo thẩm định; trường hợp đủ điều kiện thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do”.

Chương III.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Hòa Bình